

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bình Thành
2. Ông Lâm Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐ ST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp N, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn X, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp N, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

Bà T có mặt, ông X vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/8/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông X; Về con chung: yêu cầu nuôi con chung tên Võ Thị Mỹ M, sinh ngày 17/01/2013; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên ông X không có thể hiện ý kiến.

- Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Bà và ông X tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự tìm hiểu, ông bà về chung sống với nhau từ năm 2013, không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Đ, huyện V, tỉnh Long An năm 2016; Từ khi cưới nhau bà và ông X sống ở ấp Tà Nu, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An, cất nhà tạm trên đất của cha mẹ ruột của bà, đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh và gửi con cho cha mẹ bà chăm sóc, hiện nay cháu đã học lớp 01. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông X thường xuyên uống rượu, không lo kinh tế gia đình, có lần ông X còn có hành vi bạo lực là đánh đập bà, gia đình hai bên đã khuyên ông X nhưng ông X vẫn không thay đổi, từ tháng 8/2019 đến nay vợ chồng không còn sống chung. Nay bà cũng không còn tình cảm với ông X nên không thể hàn gắn về chung sống với nhau được nữa.

Trong quá trình chung sống bà và ông X có 01 con chung tên Võ Thị Mỹ M, sinh ngày 17/01/2013, đang sống chung với bà T ở nhà cha mẹ ruột bà T tại ấp N, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, bà làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng hơn 9.000.000 đồng/tháng, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì ông X không quan tâm đến con, không hỗ trợ về kinh tế để nuôi con nhưng bà vẫn chăm lo cho con đầy đủ, vì vậy, bà đảm bảo sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu M, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án:

+ Bà T và ông X có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 11/5/2016, quá trình chung sống ông X thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, ông X còn ghen tuông vô cớ, hạnh phúc vợ chồng không hàn gắn được, bà và ông X đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay; Bà T xác định đã không còn tình cảm với ông X; Ông X được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến của mình cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm nữa nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ.

+ Về con chung: bà T và ông X có 01 con chung tên Võ Thị Mỹ M sinh ngày 17/01/2013; Xét thấy, Võ Thị Mỹ M đang sống chung với bà T ở nhà ông bà ngoại, bà T thì làm công nhân còn ông X thì làm thợ hồ nên cả hai có việc làm ổn định nhưng cháu M là nữ nên cần được sự quan T, chăm sóc dạy dỗ từ mẹ. Do đó yêu cầu xin toàn quyền nuôi con của bà T là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập đến.

Từ các phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà T yêu cầu ly hôn với ông X và yêu cầu nuôi con chung, ông X có nơi cư trú tại ấp N, xã kh, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông X đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông X là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà T và ông X là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 11/5/2016 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Bà T xác định vợ chồng bà chỉ sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông X thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, ông X còn có hành vi bạo lực, đánh đập bà T, vấn đề này cũng được cha ruột của bà T xác nhận trong biên bản xác minh lập ngày 18/9/2019; Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông X đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, bà và ông X đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2019 đến nay; Đồng thời, từ khi bà T nộp đơn ly hôn và được Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định cho ông X nhưng ông X không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án và cũng không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, như vậy ông X đã không quan T đến việc bà T yêu cầu ly hôn, có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho bà T tự định đoạt. Tại phiên tòa bà T cũng xác định đã không còn tình cảm với ông X và kiên quyết yêu cầu được ly hôn.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung tên Võ Thị Mỹ M hiện đang sinh sống cùng với bà T ở nhà cha mẹ ruột của bà T tại ấp N, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An, bà T có việc làm ổn định và mức thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông X không có tranh chấp với bà T về việc nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung Võ Thị Mỹ M cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông X có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà T không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này còn ông X cũng không có ý kiến hay tranh chấp vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà T.

[6] Về án phí: Do bà T không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Văn X.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Mỹ M (nữ), sinh ngày 17/01/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có

quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 30/8/2019 theo biên lai thu tiền số 0004584 sang tiền án phí.

Báo cho bà T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Hưng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu